TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2024
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích
Ông Nguyễn Hoàng Tâm
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08/01/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2023/TLST-HNGĐ ngày 15/12/2023 về việc " Ly hôn"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 348/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/12/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1986. (Xin vắng mặt)
HKTT: thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
Nơi ở hiện nay:Số B, ngách B, ngõ A, đường D, quận Z, thành phố C, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Y nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Đỗ Thị Nhật L, sinh năm 1995. Địa chỉ: thị tứ B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983. (Xin vắng mặt)
HKTT: thôn L, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Năm 2004, sau một thời gian tìm hiểu, được sự nhất trí của hai bên gia đình, chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau. Khi kết hôn, anh chị có tổ chức lễ cưới theo truyền thống địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn ngày 29/7/2004 tại UBND xã H, huyện L theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu khi mới kết hôn, chị và anh T chung sống khá hạnh

phúc. Đến năm 2014, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, chị đã quyết định đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi chị mới sang Đài Loan, chị và anh T vẫn thường xuyên liên lạc, quan tâm hỏi thăm và động viên nhau cùng cố gắng làm ăn, vun vén cho tương lai, hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, một thời gian sau, do khoảng cách địa lý xa xôi, áp lực công việc, thời gian làm việc, sinh hoạt chênh lệch nhau nên chị và anh T cũng sao nhãng, không còn thường xuyên liên lạc, quan tâm đến nhau.Tình cảm vợ chồng giữa hai bên cũng từ đây ngày càng mờ nhạt và bắt đầu rạn nứt. Đặc biệt, mỗi lần liên lạc với nhau, anh chị thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn mà không thể hoá giải được. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án cho cho được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

-*Về con chung*: Chị Y và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc M, sinh ngày 16/3/2005.Hiện nay, cháu M đã trên 18 tuổi và có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có khả năng tự lao động, hoà nhập với xã hội và tự lo được cho bản thân nên chị không đề nghị Toà án xem xét, giải quyết vấn đề con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng: chị Y không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Do các tài liệu chị Y gửi về không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, chị Y có đơn đề nghị giám định dấu vân tay của chị Y tại các tài liệu chứng cứ do chị Y giao nộp cho tòa án.

*Tại kết luận giám định số 2440/KL-KTHS ngày 14/12/2023 của phòng K công an tỉnh B đã kết luận D vân tay màu đỏ in trên các tài liệu gửi giám định so với dấu vân tay tại ô " Trỏ phải" trên bản sao Chỉ bản số 121707653, mang tên Nguyễn Thị Y là của cùng một người

** Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về quá trình tìm hiểu và tiến tới hôn nhân như chị Y trình bày là đúng. Anh và chị Y không có mâu thuẫn gì, vợ chồng chỉ là do xa cách lâu ngày không còn tình cảm. Nay chị Y xin ly hôn anh đồng ý, vợ chồng anh đã ly thân nhiều năm.

Về con chung: anh và chị Y có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc M, hiện nay cháu đã trưởng thành anh T không có ý kiến gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Do bận công việc anh xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Y, anh Nguyễn Văn T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Y và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y. Xử:

Cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí giám định chữ ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Y là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Đài Loan có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Bị đơn anh Nguyễn Văn T là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/7/2004 tại UBND xã H, huyện L nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với anh T. Hiện chị Y1 và anh T mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia

sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng chị Y và anh T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị Y xin ly hôn anh T đồng ý. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[4]. Về nuôi con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Quốc M, sinh ngày 16/3/2005. Do cháu M đã trưởng thành, chị Y và anh T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ chung: Chị Y và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về chi phí giám định: Chị Y xin chịu toàn bộ chi phí giám định và đã nộp đủ chi phí giám giám là 3.240.000 đồng tiền giám định dấu vân tay.

[7] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 161; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000906 ngày 15/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Y đã nộp xong án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: chị Nguyễn Thị Y phải chịu 3.240.000 đồng tiền giám định dấu vân tay. Xác nhận chị Y đã nộp xong chi phí giám định.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị Y hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Văn T cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn,
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Giang

THÀNH VIÊN **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**		**THẨM PHÁN -** **CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Văn Thục	**Nguyễn Thị Bích**	**Hoàng Thị Hải Hường**